

Bản án số: **107/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2024

“*V/v ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Xuân Hoan**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Phạm Công Thành**.

Bà: **Vũ Thị Thanh Hương**.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Lê Thị Quyên**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Thái Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1983.

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly, bản tự khai ngày 24/5/2024 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 21/12/2007 trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh K nghiện ngập rượu chè và ghen tuông mù quáng khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008, hiện đang sống cùng anh K và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012, hiện đang sống cùng chị X. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Văn Tuấn Đ, anh K nuôi con chung Nguyễn Văn S, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh K tự giải quyết, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị thống nhất chịu án phí theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị X không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị X đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 21/12/2007 trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng có thì phát sinh xích mích có tính cách không hợp dẫn đến cãi vã nhưng không đến mức mâu thuẫn trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa anh thay đổi ý kiến, chị X kiên quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008, hiện đang sống cùng anh K và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012, hiện đang sống cùng chị X. Ly hôn anh đề nghị theo ý kiến của các con muốn sống cùng ai thì người đó được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị X tự giải quyết phân chia, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh thống nhất với ý kiến chị X về việc chị X nộp án phí theo quy định của pháp luật. Anh K không trình bày gì thêm và cũng không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2024, con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008 trình bày:

Cháu S hiện nay đang sống cùng với bố tại xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Từ trước đến nay cháu không được ai tặng cho hay thừa kế tài sản gì có giá trị. Nếu bố mẹ không sống cùng với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với bố vì từ trước đến nay cháu đã quen sống chung với bố và để thuận tiện cho việc học tập.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2024, con chung là cháu Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012 trình bày:

Cháu Đ hiện nay đang sống cùng với mẹ tại xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Từ trước đến nay cháu không được ai tặng cho hay thừa kế tài sản gì có giá trị.

Nếu bố mẹ không sống cùng với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ vì từ trước đến nay cháu đã quen sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết đúng vụ án đúng quy định tại điều 28, điều 35 BLTTDS; Xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì, nguyên đơn, đã thực hiện nghiêm túc, chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không hợp tác làm việc với Tòa án cũng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự .

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu; nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, cho chị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Giao cháu Nguyễn Văn S cho anh Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn T Đăng cho chị Nguyễn Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

IIINHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

1.3 Phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 19/7/2023 Tòa án đã triệu tập họp lệ cho các đương sự nhưng tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt

không có lý do, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa lần thứ 2 diễn ra vào ngày 15/8/2024, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho các đương sự có mặt đúng thời gian theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn K là hôn nhân hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2007 theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tình tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tại phiên tòa anh K cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng anh K không tham dự nên không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị được. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị X với anh K đã thực sự không còn, hai bên không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn K theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng 02 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008, hiện đang sống cùng anh K và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012, hiện đang sống cùng chị X. Ly hôn, chị X có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Văn Tuấn Đ. Anh K đề nghị theo ý kiến của các con muốn sống cùng ai thì người đó được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X và anh K không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008, hiện đang sống cùng anh K có nguyện vọng muốn sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Cháu Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012, hiện đang sống cùng chị X có ý kiến muốn sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng của con chung phù hợp với điều kiện để ổn định môi trường sống cho các cháu cũng như yêu cầu của chị X, anh K, nên Hội đồng xét quyết định giao con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị X do chưa có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu; nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử: - *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- *Về con chung*: Giao con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung tên là Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị X do chưa có yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị X đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000111 ngày 13/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Tân Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ;
- UBND xã Tân Hợp - Tân Kỳ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Xuân Hoan